



MAXPRO.JP

JAPAN Aluminium

ĐĂNG CẤP THƯƠNG HIỆU NHÔM NHẬT BẢN

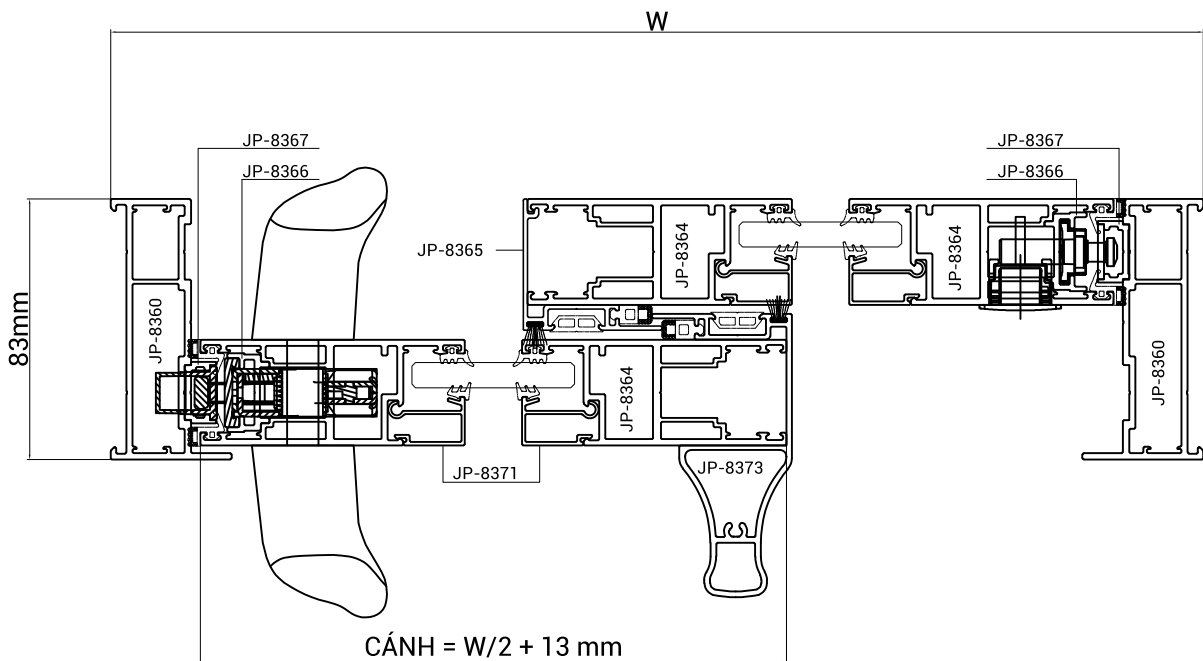
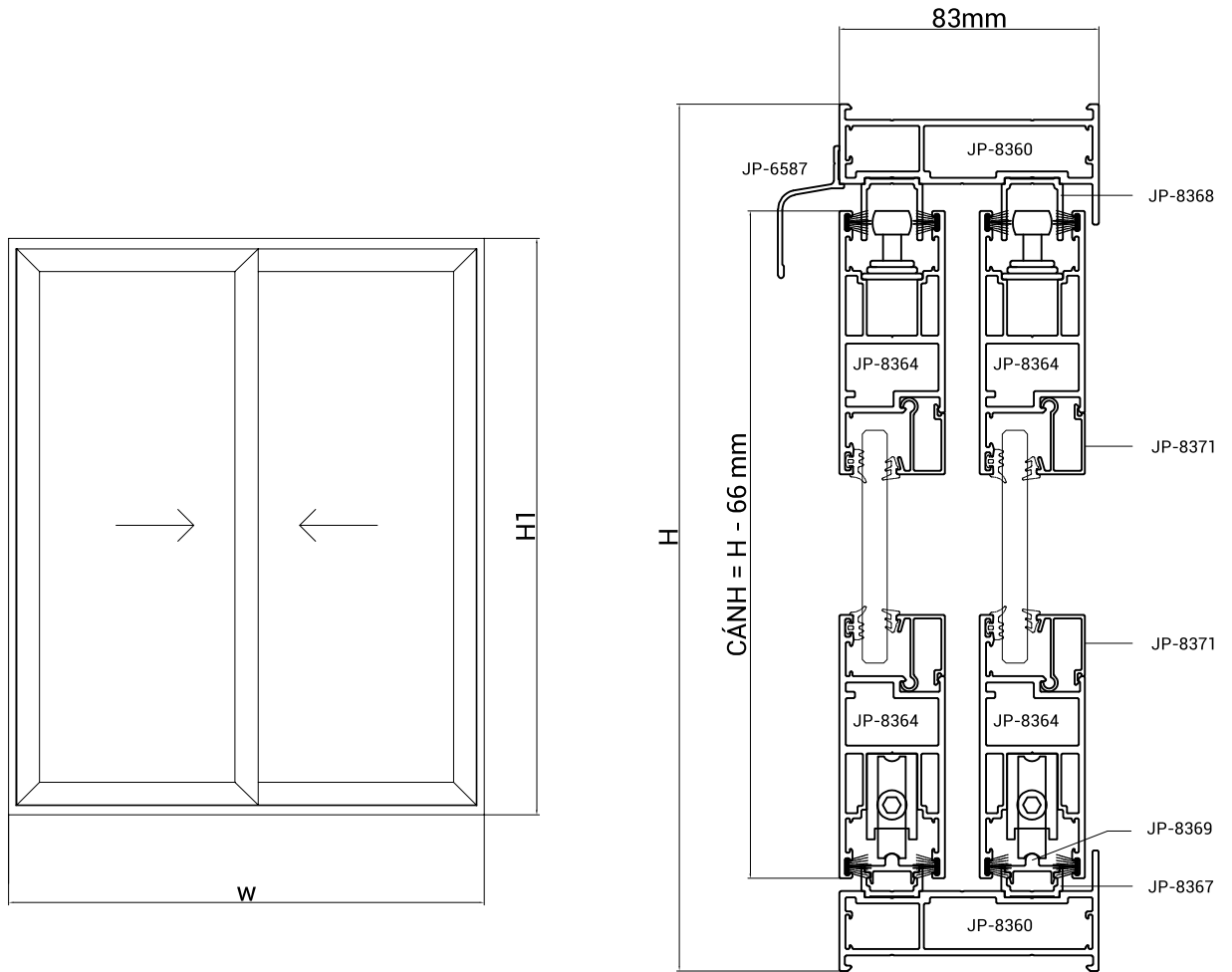
HỆ SD83

SD83

BẢN VẼ LẮP GHÉP

CỬA ĐI MỞ TRƯỢT

2 CÁNH

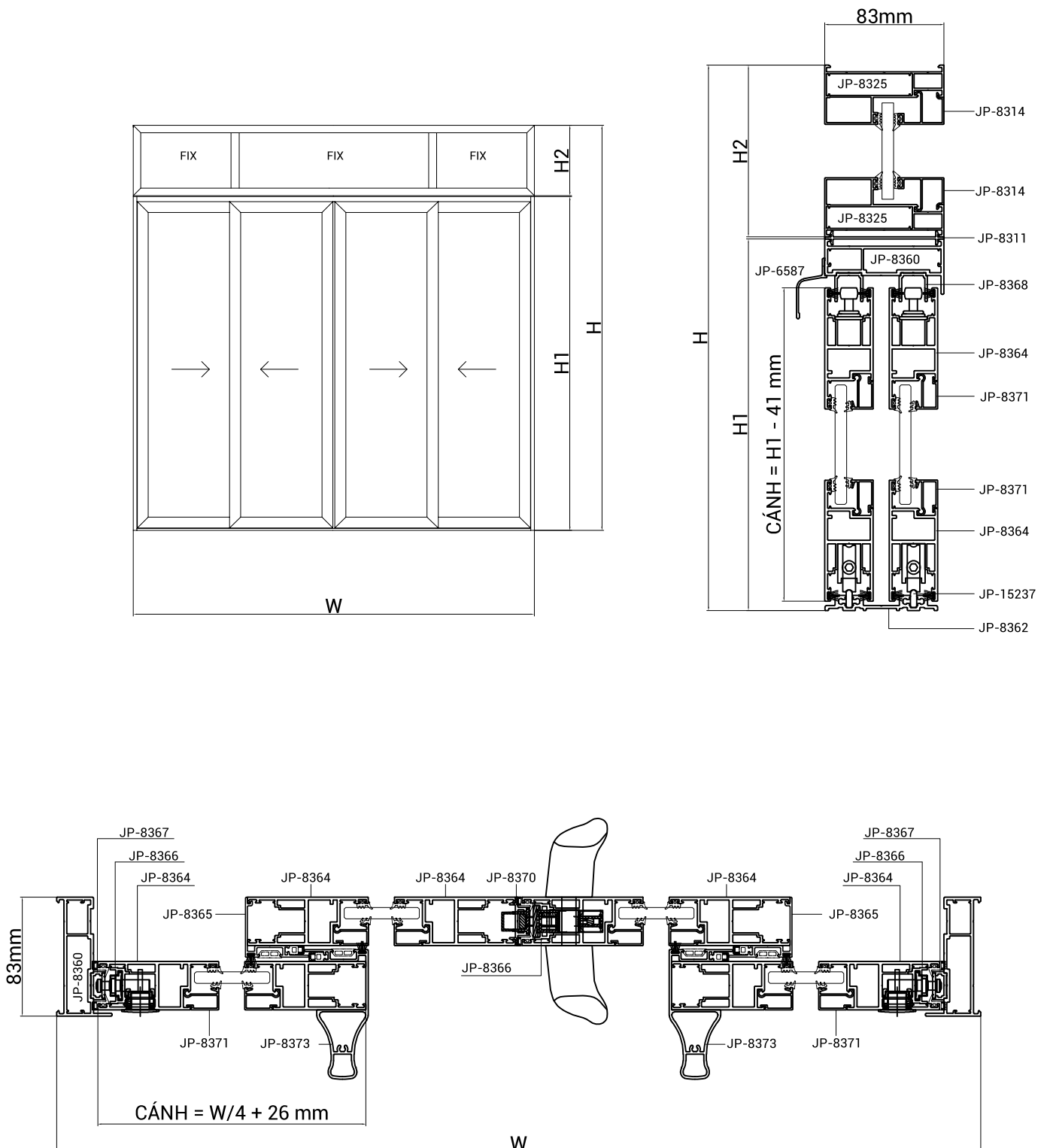


SD83

BẢN VẼ LẮP GHÉP

CỬA ĐI MỞ TRƯỢT

4 CÁCH

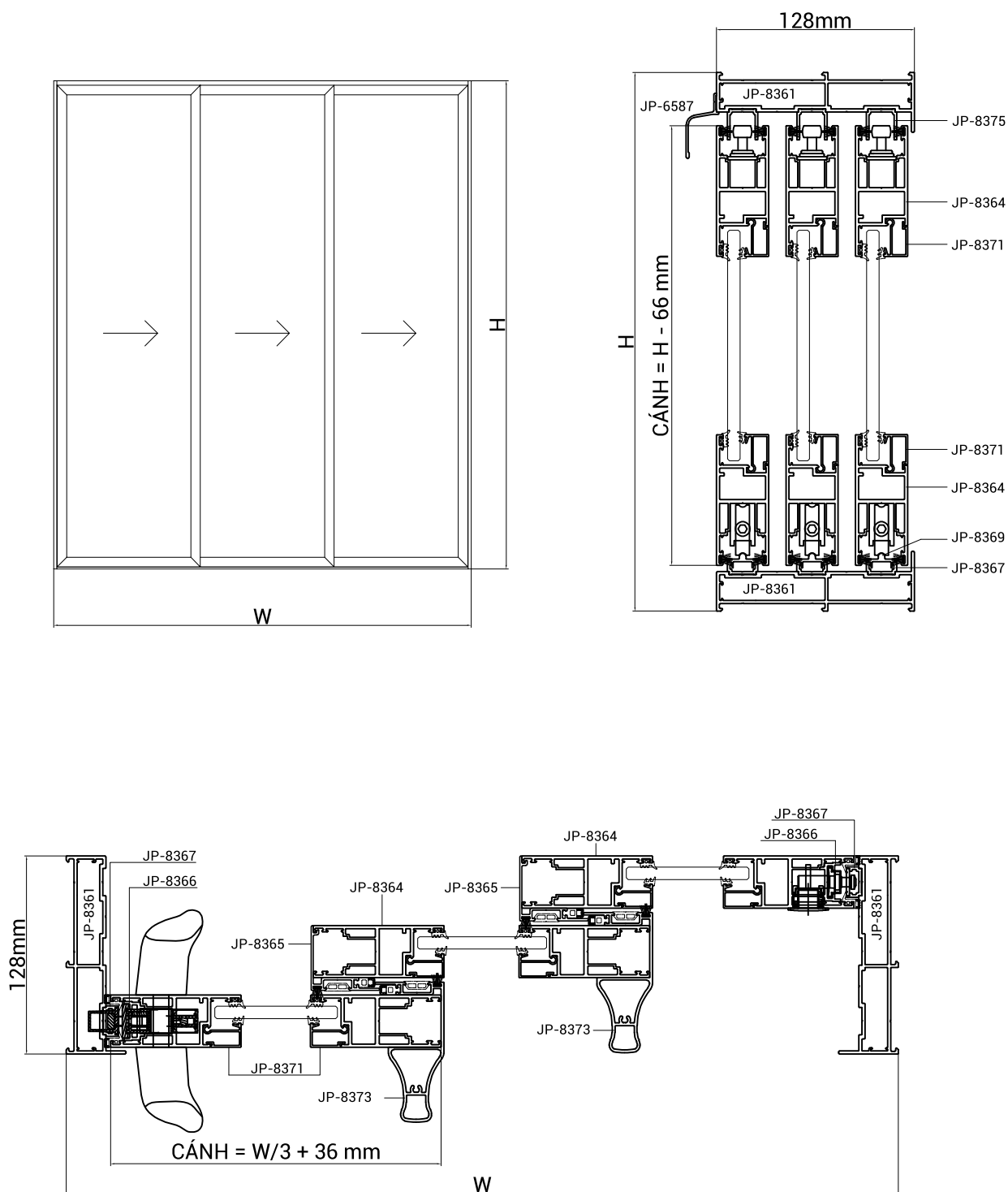


SD83

BẢN VẼ LẮP GHÉP

CỬA ĐI MỞ TRƯỢT

3 RAY 3 CÁNH

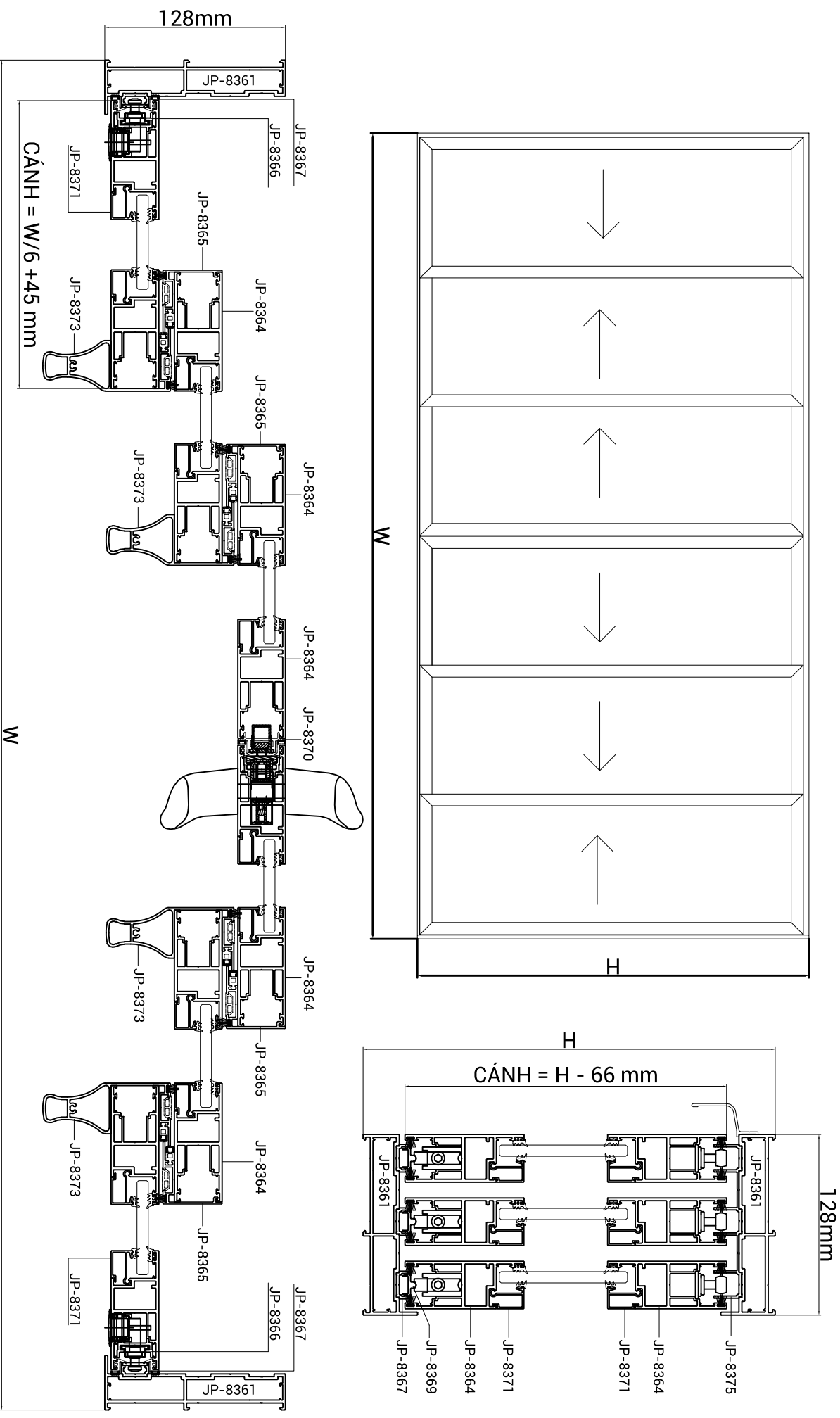


SD83

BẢN VẼ LẮP GHÉP

CỬA ĐI MỞ TRƯỢT

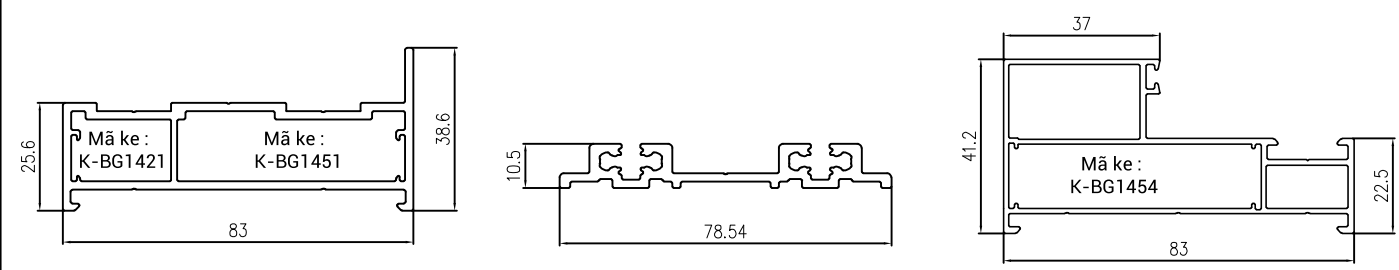
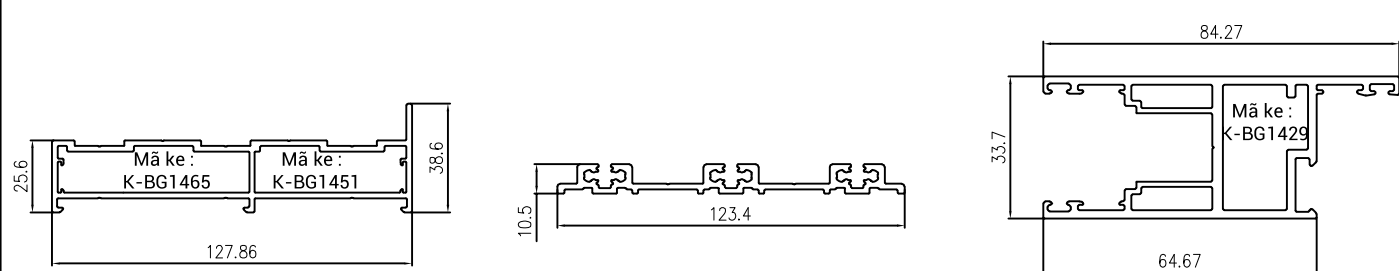
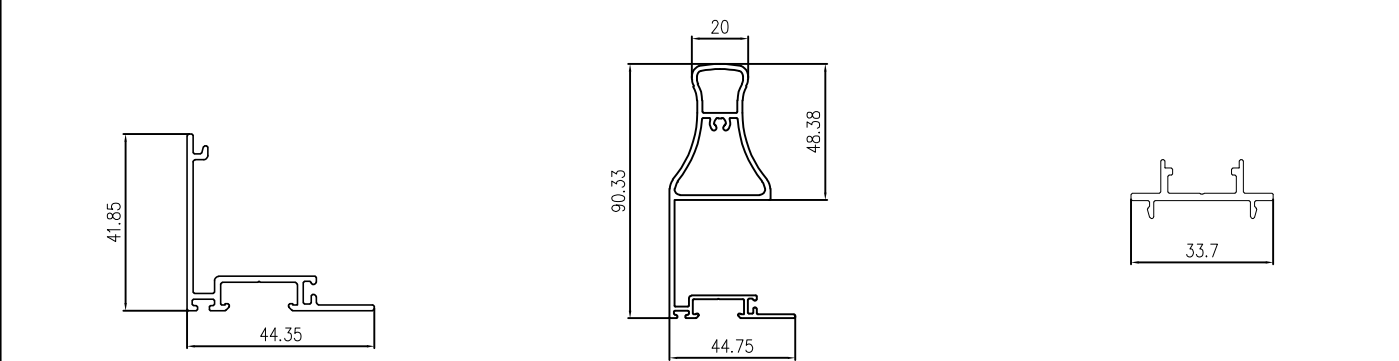
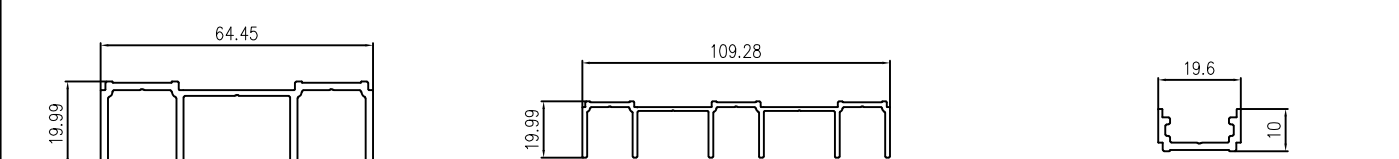
3 RAY 6 CÁCH



SD83

MẶT CẮT - THÔNG SỐ KỸ THUẬT

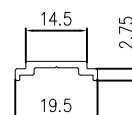
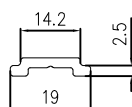
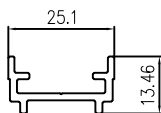
CỬA ĐI MỞ TRƯỢT

											
K/B đứng 2 ray	Mã	T(mm)	Kg/m	K/B ngang dưới	Mã	T(mm)	Kg/m	K/B vách kính	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-8360	2.0	1.360		JP-8362	2.0	0.857		JP-8325	1.4	1.075
											
K/B đứng 3 ray	Mã	T(mm)	Kg/m	K/B ngang dưới 3 ray	Mã	T(mm)	Kg/m	Cánh lùa	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-8361	2.0	1.930		JP-8363	2.0	1.315		JP-8364	2.0	1.474
											
Ốp móc lùa	Mã	T(mm)	Kg/m	Ốp tăng cứng cầm kéo	Mã	T(mm)	Kg/m	Hèm đối đầu 4 cánh	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-8365	1.4	0.437		JP-8373	1.8	1.298		JP-8370	1.7	0.259
											
Ốp máng trượt 2 ray	Mã	T(mm)	Kg/m	Ốp máng trượt 3 ray	Mã	T(mm)	Kg/m	Thanh phụ gắn miệng khóa	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-8368	1.7	0.613		JP-8375	1.7	0.968		JP-8367	1.7	0.169

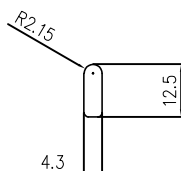
SD83

MẶT CẮT - THÔNG SỐ KỸ THUẬT

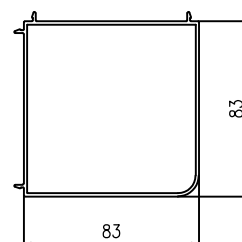
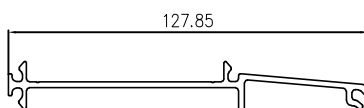
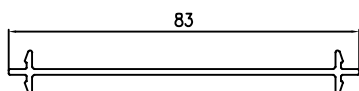
CỬA ĐI MỞ TRƯỢT



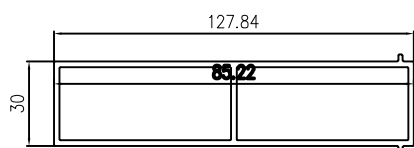
Thanh phụ gắn khóa	Mã	T(mm)	Kg/m	Thanh truyền động	Mã	T(mm)	Kg/m	Thanh truyền động	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-8366	1.7	0.247		JP-8316	2.3	0.14		JP-7018	1.5	0.106



Thanh ray phụ	Mã	T(mm)	Kg/m	Ray dùng cho JP-8362 + 63	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-8369	1.7	0.142		JP-15237	4.3	0.14



Nối khuôn 2 ray	Mã	T(mm)	Kg/m	Nối khung 3 ray	Mã	T(mm)	Kg/m	Chuyển góc	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-8311	1.4	0.383		JP-8374	2.0	0.953		JP-8318	1.6	1.470

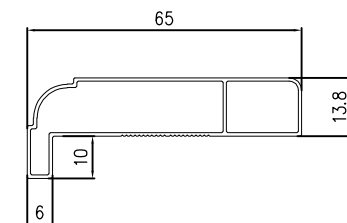
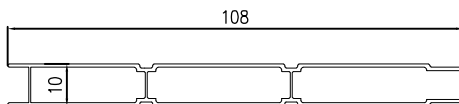
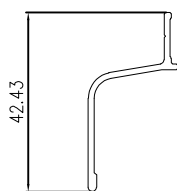


Đổ ghép tăng cứng	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-8328	2.0	1.841

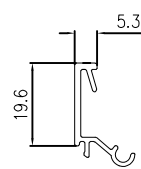
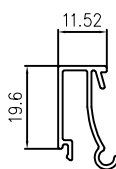
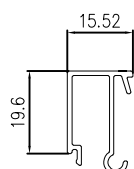
SD83

MẶT CẮT - THÔNG SỐ KỸ THUẬT

CỬA ĐI MỞ TRƯỢT



Máng che nước mưa	Mã	T(mm)	Kg/m	Pano	Mã	T(mm)	Kg/m	Nẹp chỉ tường	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-6587	1.4	0.131		JP-5520	0.8	0.554		JP-8317	0.8	0.489

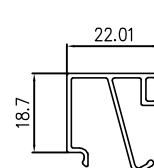
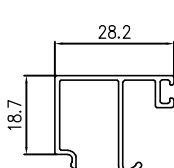
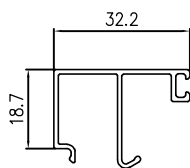


Dường kính 8-10 mm

Dường kính 12 mm

Dường kính 19 mm

Nẹp kính đơn cánh	Mã	T(mm)	Kg/m	Nẹp kính đơn cánh	Mã	T(mm)	Kg/m	Nẹp kính hộp cánh	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-8371	1.1	0.211		JP-8376	1.1	0.202		JP-8372	1.4	0.166

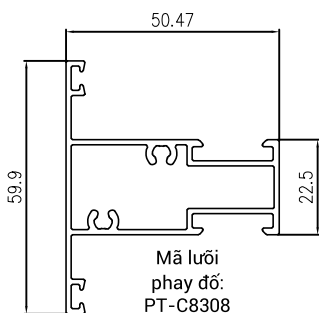


Dường kính 8-10 mm

Dường kính 12 mm

Dường kính 19 mm

Nẹp kính đơn fix	Mã	T(mm)	Kg/m	Nẹp kính đơn fix	Mã	T(mm)	Kg/m	Nẹp kính hộp fix	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-8314	1.1	0.279		JP-8327	1.1	0.264		JP-8315	1.1	0.249

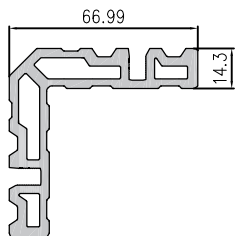
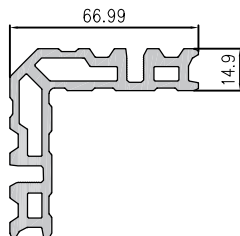
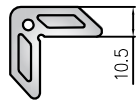
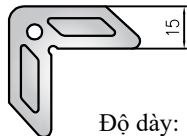


Đố tĩnh fix 83	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-15241	1.2	0.811

SD83

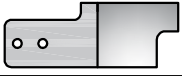
VẬT TƯ PHỤ

| ĐỒNG BỘ HỆ SD83

Công năng sử dụng	Mã ke	Quy cách (mm)	Hình ảnh
Ke khung bao đi lùa 2 ray (khoảng lớn) hệ SD83	K-BG1451	14.3 x 51	 Độ dày: 2.5-3.5 mm
Ke khung bao đi lùa 3 ray (khoảng nhỏ) hệ SD83			
Ke khung bao đi lùa 2 ray (khoảng nhỏ) hệ SD83	K-BG1421	14.3 x 21	
Ke khung bao đi lùa 3 ray (khoảng lớn) hệ SD83	K-BG1465	14.3 x 65	
Ke cánh đi lùa hệ SD83	K-BG1429	14.9 x 29	 Độ dày: 2.5-3.5 mm
Ke khung bao vách kính hệ SD83	K-BG1454	14.9 x 54	
Ke tăng cứng inox (khung bao + cánh lùa hệ SD83)	---	---	
Ke tăng cứng inox (khung bao vách kính hệ SD83)	K-TC42154B	42 x 15	 Độ dày: 1 mm

SD83

VẬT TƯ PHỤ | ĐỒNG BỘ HỆ SD83

Tên vật tư	Mã gioăng	Hình ảnh
GIOĂNG HATSU - PHỐT LÔNG		
Gioăng giảm chấn cánh khung hệ SD83, SD115	MR-1501H1	
Gioăng giảm chấn cánh ốp móc hệ SW65, SW83, SD83, SD115	MR-1502H2	
Gioăng chèn kính nẹp 3 mm hệ SD83	MR-8304H1	
Gioăng kính 3 mm	MR-8302H1	
Gioăng đệm rãnh khung bao đi lùa hệ SD83	MR-8303H1	
Gioăng đệm rãnh ốp móc hệ SW65, SW83, SD83, SD115	MR-1504H1	
Lông nheo 5 mm	MR-1565	
NHỰA		
Nhựa bịt 2 đầu ốp móc đi lùa hệ SD83	DH-8302	
DAO PHAY ĐỔ - DAO BẮM GÓC		
Dao phay đổ chia ô vách kính	PT-8308	
Dao bấm góc máy TNK dài 95 mm	PT-LBGTKNK	
Dao bấm góc máy TQ dài 95 mm	PT-LBGTQ01	
Dao bấm góc máy TQ dài 120 mm	PT-LBGTQ02	